ĐẢNG ỦY PHƯỜNG HẢI DƯƠNG
VĂN PHÒNG
*
Số 41 -QĐ/VPĐU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hải Dương, ngày 09 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
về việc công khai tình hình thực hiện dự toán 9 tháng đầu năm 2026 của Văn phòng Đảng uỷ phường Hải Dương

---

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

- Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

- Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026/ của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường Hải Dương về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2026;

- Căn cứ tình hình thực hiện dự toán 9 tháng đầu năm 2026 của Văn phòng Đảng uỷ phường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công khai tình hình thực hiện dự toán 9 tháng đầu năm 2026 của Văn phòng Đảng uỷ phường Hải Dương *(Chi tiết theo mẫu biểu kèm theo)*

Điều 2. Hình thức công khai: công khai trên trang thông tin điện tử phường, niêm yết tại trụ sở làm việc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng Đảng uỷ phường Hải Dương và các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng uỷ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thường trực Đảng uỷ;
- Phòng kinh tế;
- UBKT, Ban XD Đảng;
- Lưu VP Đảng ủy.

CHÁNH VĂN PHÒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
VĂN PHÒNG
ĐẢNG ỦY P. HẢI DƯƠNG - TP. HẢI PHÒNG

Vũ Ngọc Chiến

Đơn vị: Văn phòng Đảng uỷ phường Hải Dương **Mẫu biểu số 79**
Chương: 819

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị quản lý cấp trên và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Văn phòng Đảng uỷ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm (Dự toán đầu năm + PS trong năm)	Thực hiện 9 tháng năm 2026	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ%)	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2026 này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**11.381**	**7.879**	**69%**	
1	Nguồn thu thuộc ngân sách nhà nước	11.381	7.879	69%	
2	Thu từ nguồn NSNN hỗ trợ (đấu thầu, đặt hàng, kinh phí miễn giảm học phí....)				
B	**CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**11.381**	**7.879**	**69%**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**11.381**	**7.879**	**69%**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**11.381**	**7.879**	**69%**	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	11.381	7.879	69%	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*				
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

4	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	**Nguồn vốn viện trợ**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo**				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				

7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				